



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin tổng quát

Tên học phần tiếng Việt	Triết học Mác-Lênin
Tên học phần tiếng Anh	Philosophy of Marxism and Leninism
Mã học phần	TR04
Thuộc khối kiến thức	Kiến thức đại cương/ Kiến thức cơ sở ngành/ Kiến thức ngành/ Kiến thức chuyên ngành ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
Trình độ	
Ngành học	
Khóa học	
Năm học	
Học kỳ	
Số tín chỉ	3 tín chỉ Lý thuyết (15 tiết/tín chỉ): 30 Thực hành, thí nghiệm, thảo luận (15 tiết/tín chỉ): 15 Tự học, tự nghiên cứu (30 giờ/tín chỉ): 90
Học phần tiên quyết	Không
Học phần trước	Không
Học phần sau	Không
Học phần song hành	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy	Tiếng việt
Các giảng viên phụ trách giảng dạy	
Các giảng viên trợ giảng	

2. Mô tả học phần

(Vị trí của học phần đối với chương trình đào tạo (CTĐT), những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Môn học thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương thuộc mảng lý luận chính trị, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin. Môn học nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy; gồm 3 chương: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3. Tài liệu học tập (Các giáo trình, tài liệu tham khảo, các phần mềm, không quá 5 cuốn)

Giáo trình:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Triết học Mác – Lênin: Dành cho khối không chuyên ngành lý luận chính trị*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2012). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

[3] Hội đồng Lý luận Trung ương. (2008). *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Tài liệu khác:

[1] Phạm Văn Đức (Chủ biên), Nguyễn Văn Tài, & Nguyễn Anh Tuấn. (2021). *Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Triết học Mác – Lênin*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[2] Nguyễn Hữu Vui (Chủ biên). (1998). *Lịch sử triết học*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Phần mềm:

[..] Tên hãng phần mềm (năm phát hành/phiên bản). *Tên phần mềm*.

...

4. Mục tiêu học phần

(Các mục tiêu tổng quát của học phần, thể hiện sự liên quan với các chuẩn đầu ra (X.x.x) của CTĐT và trình độ năng lực (TĐNL) được phân bổ cho học phần)

Mục tiêu (COx) (1)	Mô tả mục tiêu (2)	CĐR của học phần (CLOx) (3)	TĐNL (4)
CO1	4.1 Về kiến thức Sinh viên hiểu được vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và những nội dung cơ bản về: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.	CLO1	
CO2	4.2. Về kỹ năng Sinh viên vận dụng được những tri thức cơ bản của triết học Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử vào việc nhận thức, lý giải các hiện tượng, quy luật trong đời sống xã hội Việt Nam và thế giới.	CLO2	

CO3	4.3. Về thái độ/năng lực tự chủ và trách nhiệm Sinh viên phân tích, đánh giá được giá trị, tính khoa học cách mạng và nhân văn của triết học Mác - Lênin đối với thực tiễn Việt Nam và nhân loại	CLO3	
-----	---	------	--

(1): Ký hiệu mục tiêu của học phần.

(2): Mô tả các mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR và bối cảnh áp dụng tổng quát.

(3), (4): Ký hiệu CĐR của CTĐT và TĐNL tương ứng được phân bổ cho học phần.

5. Chuẩn đầu ra học phần

(Các mục cụ thể hay CĐR của học phần và mức độ giảng dạy I, T, U hoặc I, R, M)

CĐR (1)	Mô tả CĐR (2)	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mức độ giảng dạy (I, T, U hoặc I, R, M) (3)
CLO 1.1	Sinh viên hiểu những tri thức cơ bản về triết học nói chung, những điều kiện ra đời của triết học Mác – Lênin. Đồng thời giúp sinh viên phân tích, đánh giá được thực chất cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện và các giai đoạn hình thành, phát triển triết học Mác – Lênin; Vai trò của triết học Mác trong đời sống xã hội và trong thời đại ngày nay.		I,T
CLO 1.2	Sinh viên hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về vật chất, các hình thức, phương thức tồn tại của vật chất; nguồn gốc, bản chất của ý thức; mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức. Sinh viên hiểu được những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức và thực tiễn. Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; ý nghĩa phương pháp luận.		I,T,U

CLO 1.3	Sinh viên hiểu những kiến thức về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; vận dụng ý nghĩa phương pháp luận vào thực tiễn của Việt Nam. Sinh viên hiểu được những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về giai cấp; về nhà nước và cách mạng xã hội; về dân tộc, quan hệ giai cấp - dân tộc – nhân loại; ý nghĩa phương pháp luận trong nhận thức những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Sinh viên hiểu những quan điểm cơ bản của triết học Mác – Lênin về con người, về ý thức xã hội, sự vận dụng vào cách mạng Việt Nam.		I,T,U
CLO 2.1	Sinh viên phân tích mang tính khái quát hóa để rút ra <i>Từ khóa tri thức</i> đối với mỗi nội dung và tư duy có hệ thống.		U
CLO 2.2	Sinh viên vận dụng trình bày, thuyết minh, phản biện, tranh luận, hùng biện những tri thức lý luận đang học tập, nghiên cứu dựa trên thực tiễn.		U
CLO 2.3	Sinh viên vận dụng trong giao tiếp xã hội, hợp tác và làm việc nhóm, chia sẻ tri thức và kinh nghiệm, khả năng điều hành nhóm làm việc.		U
CLO 3.1	Sinh viên phân tích, đánh giá được những nền tảng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.		U
CLO 3.2	Sinh viên vận dụng lập trường mácxít nhằm đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, xuyên tạc triết học Mác – Lênin.		U

(1): *Ký hiệu CDR của học phần*

(2): *Mô tả CDR, bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR và bối cảnh áp dụng cụ thể.*

(3): *I (Introduce): giới thiệu; T (Teach): dạy; U (Utilize): sử dụng hoặc I (Introduce): giới thiệu; R(Reinforced): tăng cường; M(Mastery): thành thạo.*

6. Đánh giá học phần

- Yêu cầu chung của học phần theo quy chế:

+ Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

+ Điểm thành phần: kết quả học tập một học phần được đánh giá theo quá trình học tập, thể hiện bởi các điểm thành phần được làm tròn tới một chữ số thập phân.

+ Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân.

(Các thành phần, các bài đánh giá, các tiêu chí đánh giá, chuẩn đánh giá, và tỷ lệ đánh giá, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần)

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (Ax.x) (2)	CDR học phần (CLOx) (3)	Tiêu chí đánh giá (4)	Thời lượng đánh giá (5)	Trọng số (6)	Trọng số con (7)
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần.		Trên lớp/ E-learning	10 tuần	30%	5%
	A1.2. Tham gia học tập trên lớp tích cực, hăng hái phát biểu.	CLO 1.1, CLO 1.2, CLO 1.3, CLO 2.1, CLO 2.2, CLO 3.1 CLO 3.2	Trên lớp/ E-learning	10 tuần		10%
	A1.3. Thuyết trình nhóm,...	CLO 1.2, CLO 1.3, CLO 2.1, CLO 2.2, CLO 3.1 CLO 3.2	Sản phẩm thuyết trình của nhóm	Tuần 3-10		15%
A2. Đánh giá giữa kì	A2.1. Bài thi giữa kì	CLO 1.1, CLO 1.2, CLO 2.1, CLO 2.2, CLO 3.1 CLO 3.2	Trắc nghiệm (Quiz)	25 phút	20%	
A3. Đánh giá cuối kì	A3.1. Bài thi cuối kì	CLO 1.1, CLO 1.2, CLO 1.3, CLO 2.1,	Tự luận - Sinh viên được sử dụng tài	75 phút	50%	

		CLO 2.2, CLO 3.1 CLO 3.2	liệu giấy, không sử dụng thiết bị kết nối mạng khi làm bài thi) - Điểm thưởng (tối đa 20% của điểm cuối kỳ)			
--	--	--------------------------------	---	--	--	--

(1): Các thành phần đánh giá của học phần.

(2): Ký hiệu các bài đánh giá

(3): Các CDR được đánh giá.

(4): Tiêu chí đánh giá như bài tập nhóm/cá nhân về nhà, bài tập nhóm/cá nhân tại lớp, dự án, đồ án học phần.....

(5): Thời lượng đánh giá theo phút tại lớp (nếu có)

(6): Trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm học phần

(7): trọng số các bài đánh giá trong tổng điểm của thành phần đánh giá

- Thang điểm đánh giá: theo thang điểm 10, thang điểm 100 hoặc thang điểm 4 được dùng để ghi nhận và phân loại kết quả đánh giá. Thang điểm và cách xếp loại kết quả học tập được thực hiện như sau:

Xếp loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 100	Thang điểm hệ 4	
			Điểm số	Điểm chữ
Xuất sắc	Từ 9,0 đến 10,0	Từ 90 đến 100	4,0	A+
Giỏi	Từ 8,0 đến cận 9,0	Từ 80 đến cận 90	3,5	A
Khá	Từ 7,0 đến cận 8,0	Từ 70 đến cận 80	3,0	B+
Trung bình khá	Từ 6,0 đến cận 7,0	Từ 60 đến cận 70	2,5	B
Trung bình	Từ 5,0 đến cận 6,0	Từ 50 đến cận 60	2,0	C
Yếu	Từ 4,0 đến cận 5,0	Từ 40 đến cận 50	1,5	D+
Kém	Từ 3,0 đến cận 4,0	Từ 30 đến cận 40	1,0	D
	< 3,0	Dưới 30	0,0	F

- Học phần có điểm từ 5,0 trở lên được xem là học phần đạt, số tín chỉ của học phần này được tính là số tín chỉ tích lũy.

7. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

(Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR của học phần, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của học phần)

Lý thuyết

Tuần/ Buổi (1)	Nội dung (2)	CĐR học phần (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Hoạt động đánh giá (5)
1	Giới thiệu về môn học Chương 1 TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1. <i>Khái lược về triết học</i> 2. <i>Vấn đề cơ bản của triết học</i>	CLO 1.1	Giảng viên: - Giới thiệu đề cương môn học - Giới thiệu kịch bản phân đoạn học liệu - Giới thiệu nội dung đề tài thuyết trình nhóm) - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Chia nhóm - Giới thiệu nhóm học tập - Nghe giảng, phát biểu <i>Học ở nhà:</i> - Đọc trước mục 3 phần I chương 1; mục 1 phần II chương 1	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1.
2	Chương 1 TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (tiếp theo) I. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học (tt) 3. <i>Biện chứng và siêu hình</i> II. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội 1. <i>Sự ra đời và phát triển của triết</i>	CLO 1.1 CLO 2.2 CLO 2.3	Giảng viên: - Đặt vấn đề cần giải quyết - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Giải quyết vấn đề GV đặt ra - Nghe giảng, phát biểu	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1.

	<i>học Mác - Lênin</i> - Giới thiệu nội dung mục 2,3		<i>Học ở nhà:</i> - Phác thảo nội dung thuyết trình nhóm - Đọc trước mục 2, 3 phần II. chương 1; mục 1, 2 phần I chương 2	
3	Chương 1 TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI (tiếp theo) II. Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội 2. <i>Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin</i> 3. <i>Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</i> Chương 2 CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG I. Vật chất và ý thức 1. <i>Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</i> 2. <i>Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</i>	CLO 1.2 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Đặt vấn đề cần giải quyết - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Giải quyết vấn đề GV đặt ra - Nghe giảng, phát biểu <i>Học ở nhà:</i> - Làm sản phẩm nhóm - Đọc trước mục 3 phần I chương 2; mục 3 phần II chương 2	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1.
4	Chương 2 CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (tt) I. Vật chất và ý thức 3. <i>Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</i> II. Phép biện chứng duy vật 1. <i>Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</i> 2. <i>Nội dung của phép biện chứng duy vật</i> <i>Hai nguyên lý:</i>	CLO 1.2 CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Đặt vấn đề cần giải quyết - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Nghe giảng, phát biểu, làm việc nhóm, thuyết trình. <i>Học ở nhà:</i>	A1.1, A1.2, A2.1, A3.1.

	- Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến - Nguyên lý về sự phát triển Kiểm tra giữa kỳ		Đọc trước mục 2 (tt) phần II chương 2.	
5	Chương 2 CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (tiếp theo) II. Phép biện chứng duy vật 2. Nội dung của phép biện chứng duy vật <i>b. Các cặp phạm trù của PBCDV</i> - Phạm trù cái riêng – cái chung - Phạm trù nguyên nhân – kết quả <i>c. Ba quy luật:</i> - Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại - Quy luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập	CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Nghe giảng, phát biểu, làm việc nhóm, thuyết trình. <i>Học ở nhà:</i> - Đọc trước phần III chương 2. - Làm sản phẩm nhóm	A1.1, A1.2, A3.1.
6	Chương 2 CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG (tiếp theo) III. Lý luận nhận thức <i>1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</i> <i>2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</i> <i>3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</i> - Giới thiệu mục 4,5	CLO 1.3 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Đặt vấn đề cần giải quyết - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Giải quyết vấn đề GV đặt ra - Nghe giảng, phát biểu <i>Học ở nhà:</i> - Làm sản phẩm nhóm - Đọc trước phần I chương 3.	A1.1, A1.2, A3.1.
7	Chương 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội <i>1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</i> <i>2. Biện chứng giữa lực lượng sản</i>	CLO 1.4 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Đặt vấn đề cần giải quyết - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i>	A1.1, A1.2, A1.3, A3.1.

	xuất và quan hệ sản xuất 3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên		- Giải quyết vấn đề GV đặt ra - Nghe giảng, phát biểu, làm việc nhóm, thuyết trình. <i>Học ở nhà:</i> - Làm sản phẩm nhóm - Đọc trước phần II và phần III chương 3.	
8	Chương 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo) - Giới thiệu các khái niệm giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội - Hướng dẫn học tập: II. Giai cấp và dân tộc 1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 2. Dân tộc 3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại III. Nhà nước và cách mạng xã hội 1. Nhà nước 2. Cách mạng xã hội	CLO 1.4 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Đặt vấn đề cần giải quyết - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Giải quyết vấn đề GV đặt ra - Nghe giảng, phát biểu. <i>Học ở nhà:</i> - Làm sản phẩm nhóm - Nghe giảng, phát biểu. <i>Học ở nhà:</i> - Đọc trước phần IV chương 3.	A1.1, A1.2, A1.3, A3.1.
9	Chương 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo) IV. Ý thức xã hội 1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội 3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập	CLO 1.4 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Đặt vấn đề cần giải quyết - Trình chiếu, thuyết giảng Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Giải quyết vấn đề GV đặt ra - Nghe giảng,	A1.1, A1.2, A1.3, A3.1.

	<i>tương đối của ý thức xã hội</i>		phát biểu. <i>Học ở nhà:</i> - Làm sản phẩm nhóm - Đọc trước phần V chương 3.	
10	Chương 3 CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ (tiếp theo) V. Triết học về con người 1. Khái niệm con người và bản chất con người - Giới thiệu mục 2,3,4 - Ôn tập thi cuối kỳ	CLO 1.4 CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1 CLO 3.2	Giảng viên: - Trình chiếu, thuyết giảng - Ôn tập thi cuối kỳ Sinh viên: <i>Học ở lớp:</i> - Nghe giảng, ôn tập - Nộp sản phẩm làm việc nhóm <i>Học ở nhà:</i> - Ôn tập	A1.1. A1.2. A1.3. A3.1.

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung giảng dạy theo chương, mục

(3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLOx)

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

Thực hành

Tuần/Buổi học (1)	Nội dung (2)	CĐR học phần (3)	Hoạt động dạy và học (4)	Bài đánh giá (5)
...	Bài thực hành 1: ...	CLOx ...	Dạy: ... Học ở lớp: ... Học ở nhà: ...	Ax.x ...
...				

(1): Thông tin về tuần/buổi học.

(2): Liệt kê nội dung thực hành theo bài thực hành.

(3): Liệt kê CĐR liên quan của học phần (ghi ký hiệu CLOx),

(4): Liệt kê các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà), bao gồm đọc trước tài liệu (nếu có yêu cầu)

(5): Liệt kê các bài đánh giá liên quan (ghi ký hiệu Ax.x)

8. Tổng thời lượng học tập

Hình thức	Hoạt động dạy và học	Số lần	Thời lượng (giờ)	Tổng thời lượng (giờ)
Thời lượng học trên lớp (bao gồm cả tuần thi)	Thuyết giảng và nghe giảng		25 giờ	25 giờ
Bài thuyết trình A1.3	Làm việc nhóm và thuyết trình		12,5 giờ	12,5 giờ
Tự học ngoài giờ	Tự nghiên cứu giáo trình, tài liệu		75 giờ	75 giờ
Bài tập tình huống Axx				
Bài luận Axx				
Dự án nhóm Axx				
.....				
Thi giữa kỳ A2.1		1	1,10 giờ	1 giờ
Thi cuối kỳ A3.1		1	1,25 giờ	1,25 giờ
Tổng thời lượng			114,75 giờ	
Tổng thời lượng/ giờ			114,75/	
Chuyển đổi tín chỉ theo ECTS				

Ghi chú: 1 tiết = 50 phút = 5/6 giờ; 1 tín chỉ 50h học tập bao gồm cả thời gian học tập trên lớp, tự học, nghiên cứu, dự kiểm tra, đánh giá.

9. Quy định của học phần

- Quy định của môn học: Sinh viên không nộp bài tập và các báo cáo đúng hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành/thảo luận trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...)

- Quy định về giờ giấc, chuyên cần, kỷ luật trong khóa học: Lên lớp đúng giờ, dự tối thiểu 80% thời gian học trên lớp (chỉ được phép vắng mặt tối đa 20% số tiết học). Nếu vắng quá số tiết quy định thì sẽ bị điểm 0 chuyên cần.

- Quy định về Bài thuyết trình nhóm:

Thành lập nhóm: Số lượng sinh viên tùy vào sĩ số lớp, do giảng viên quy định. Hạn chót đăng ký đề tài nhóm quản lý trên forum là buổi 2 hoặc trực tiếp nộp cho giảng viên buổi.

Các nhóm thuyết trình theo thứ tự được phân công. Lưu ý các nhóm cần có mặt đủ và mang theo tất cả các tài liệu liên quan khi thuyết trình.

Hình thức nộp bài: Nộp file và biên bản làm việc nhóm qua email cho giảng viên.

10. Phụ trách học phần

- Bộ môn Lý luận chính trị, Trung tâm Lý luận chính trị ĐHQG-HCM.
- Địa chỉ và email liên hệ: cps@vnuhcm.edu.vn

11. Đề cương được cập nhật và biên soạn ngày: 31/7/2025

12. Đề cương được thẩm định và thông qua ngày:

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2025

**KT. TRƯỞNG BỘ MÔN
PHÓ TRƯỞNG BỘ MÔN**



TS. Mạch Thị Khánh Trinh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



TS. Nguyễn Đình Quốc Cường